| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc** |
| Số: 87/2019/QĐST - HNGĐ | *Chiêm Hoá, ngày 13 tháng 5 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 133/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn BT, xã TP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn:** Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đ6, xã ĐH, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2019.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. *Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa*: Chị Nguyễn Thanh H và anh Bùi Văn Q.

2. *Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau*:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thanh H được Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuệ A, sinh ngày 20/9/2018 (hiện nay cháu Bùi Tuệ A đang sống cùng chị H). Anh Bùi Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000$^{đ}$ *(Hai triệu đồng)*; Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Tuệ A đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: Thực hiện theo quý.

Anh Bùi Văn Q được Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015*.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thanh H nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000$^{đ}$ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000$^{đ}$ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001819 ngày 22/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, nay được khấu trừ 150.000$^{đ}$ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, *(chị Nguyễn Thanh H đã nộp đủ tiền án phí).*

Trả cho chị Nguyễn Thanh H số tiền 150.000$^{đ}$ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) do nộp tiền tạm ứng án phí còn lại.

Anh Bùi Văn Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000$^{đ}$ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐH, huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**THẨM PHÁN**

**Lâm Hạnh Quỳnh**